

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21-12-2022
V/v “Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Tâm.

Ông Nguyễn Văn Giáp.

Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Hiền- Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Bé B, sinh năm 1975; nơi cư trú: Ấp Đ, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Đinh Thị L, sinh năm 1981; nơi cư trú: Ấp Đ, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 25 tháng 8 năm 2022, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Bé B trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Bé B và chị Đinh Thị L tự nguyện tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào tháng 4/1998, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu anh B và chị L chung sống hạnh phúc, đến tháng 10/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, anh B và chị L sống ly thân

từ tháng 10/2021 cho đến nay. Nay anh B xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị L không còn, nên anh B yêu cầu Tòa án tuyên bố giữa anh và chị L không phải là vợ chồng; về con chung: trong thời gian chung sống anh B và chị L có một con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 06/5/1999, hiện nay Minh K đã thành niên, không có bệnh tật gì, có khả năng lao động tự nuôi bản thân, anh B không yêu cầu về con chung; về tài sản chung và nợ chung: trong thời gian chung sống anh B và chị L có tài sản chung và nợ chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 16/11/2022 trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Đinh Thị L trình bày: Chị L thống nhất với lời trình bày của anh B về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung. Về hôn nhân: Chị L đồng ý yêu cầu của anh B tuyên bố quan hệ giữa anh chị không phải là vợ chồng; về con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 06/5/1999, hiện nay Minh K đã hành niên, không có bệnh tật gì, có khả năng lao động tự nuôi bản thân, chị L không yêu cầu về con chung; về tài sản chung và nợ chung: trong thời gian chung sống anh B và chị L có tài sản chung và nợ chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án: kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn cư trú tại ấp Đ, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ tranh chấp: nguyên đơn anh B yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, nên Hội đồng xét xử xác định “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” là phù hợp theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu về hôn nhân của anh B. Anh B và chị L chung sống với nhau và có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào tháng 4/1998, trên

tinh thần tự nguyện của anh chị. Trong thời gian chung sống do vợ chồng bất đồng ý kiến trong cuộc sống, nên đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, đến tháng 10/2021 thì anh chị không sống chung cho đến nay. Xét anh B và chị L đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998, có đủ điều kiện kết hôn, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên quan hệ của anh chị không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng; anh B và chị L đều không muốn hàn gắn để chung sống với nhau và cùng thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng. Do đó, yêu cầu của anh B là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh B và chị L cùng xác định anh và chị có một con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 06/5/1999, hiện nay Minh K đã thành niên không bị mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi bản thân, anh B và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh B và chị L đều thống nhất không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Như đã phân tích ở trên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Anh B phải chịu án phí theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 144, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Bé B.

1. Về hôn nhân: tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Bé B và chị Đinh Thị L.

2. Về con chung: con chung của anh B và chị L là Nguyễn Minh K, sinh ngày 06/5/1999, hiện nay Minh K đã thành niên không bị mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi bản thân, anh B và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh B và chị L không yêu cầu, nên không xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị L không phải chịu án phí; anh B phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân và gia đình, nhưng anh B được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004971 ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, anh B đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV-THA);
- UBND xã An Thạnh Đ;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Ngoan